TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 20 - 3 - 2020.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Huynh.
2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Xuân Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 708/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Bá B, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn*: Chị Lương Thị Phương Tr, sinh năm 1979.

Địa chỉ: K2/91, tổ 7, khu D, thị trấn L , huyện L , tỉnh Đồng Nai.

(Anh B, chị Tr đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tr kết hôn vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L , do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016. Năm 2016, bố anh bị bệnh nặng nên anh cùng vợ con thống nhất về ngoài bắc sinh sống và phụng dưỡng cha mẹ. Sau khi về quê được 01 tháng, vợ anh nói phải vào miền nam để thu xếp công việc, rồi từ năm 2016 đến nay vợ anh chỉ về thăm gia đình 1 lần trong vài ngày rồi không về nữa. Trong thời gian đó, anh nhiều lần gọi điện, nhắn tin tâm sự, động viên cho vợ anh hiểu và thông cảm hoàn cảnh gia đình để về quê vợ chồng làm ăn sinh sống cho gia đình ấm no, hạnh phúc. Anh và người thân cũng đã vào miền nam gặp vợ anh để động viên vợ anh về bắc nhưng sau nhiều lần khuyên nhủ, vợ anh vẫn không về. Thời gian trôi đi, anh thấy niềm tin vào hạnh phúc hôn nhân này dần dần lạnh lẽo, tình yêu và niềm tin của anh với vợ anh không còn nữa, anh không thể duy trì hôn nhân với vợ anh nữa. Anh muốn giải phóng hôn nhân giữa hai người để mọi chuyện không còn bị ràng buộc và tự do cho hai bên. Do đó, anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Bá Gia B, sinh ngày 23/7/2007, hiện đang sống với chị Tr. Vì cháu B có nguyện vọng được sống với mẹ nên anh B yêu cầu giao cháu B cho chị Tr nuôi dưỡng, tạm thời anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Lương Thị Phương Tr trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B kết hôn vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L , do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Khi chị biết được và có khuyên ngăn thì anh B đã chấm dứt với người phụ nữ đó. Tết năm 2016, chị và anh B về quê anh B ngoài bắc để thăm bố mẹ anh B thì bố mẹ anh B bắt anh B phải ở ngoài bắc luôn. Bố mẹ anh B có nói chị ở lại Bắc sinh sống luôn nhưng chị không đồng ý vì nhà cửa, công việc buôn bán của chị ở trong miền Nam vẫn đang yên ổn. Cháu B cũng không chịu ở ngoài Bắc, do đó chị và cháu B về lại miền Nam, còn anh B vẫn ở ngoài Bắc với bố mẹ anh từ đó cho đến nay. Khoảng năm 2017, anh B có gọi điện cho chị về Bắc để đón anh vào nam sinh

sống với chị, chị đã thu xếp ra Bắc đón anh nhưng bố mẹ anh lại không cho anh vào Nam. Do đó, anh vẫn ở lại Bắc cho đến nay, chị sống ở huyện Long Thành. Trong thời gian sống ly thân thì anh chị vẫn liên lạc qua điện thoại nhưng không thường xuyên. Nay anh B xin ly hôn thì chị không đồng ý, vì chị vẫn còn tình cảm và quan tâm tới anh B.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Bá Gia B, sinh ngày 23/7/2007, hiện đang sống với chị. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị đề nghị Tòa án không hòa giải, được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi vụ án kết thúc và có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị Tr là hôn nhân hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn từ năm 2011. Đến năm 2016 thì sống ly thân, trong thời gian ly thân thì anh chị đã nhiều lần bàn bạc đoàn tụ nhưng không thành, đến nay đời sống hôn nhân của anh chị mâu thuẫn, không còn khả năng hàn gắn. Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 117 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị Tr; Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Bá Gia B, sinh ngày 23/7/2007, hiện đang sống với chị Tr, anh B yêu cầu giao cháu B cho chị Tr nuôi dưỡng, chị Tr có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu B, bản thân cháu B cũng có nguyện vọng được sống chung với chị Tr nên giao cháu B cho chị Tr nuôi dưỡng, tạm thời không yêu cầu anh B cấp

dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Anh B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh B, chị Tr đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân thị trấn L , huyện L , tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 174 ngày 19/9/2011, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, vào năm 2016 anh B về Bắc chăm nuôi bố bị bệnh và ở luôn ngoài Bắc từ đó cho đến nay, anh chị cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh B xác định sinh sống luôn ngoài bắc, không vào Nam nữa. Anh B và chị Tr cũng thừa nhận là anh chị và gia đình cũng đã nhiều lần bàn bạc, khuyên nhủ chị Tr và con ra Bắc sinh sống để vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị Tr không đồng ý vì nhà cửa, công việc buôn bán của chị ở miền Nam vẫn đang yên ổn. Như vậy, giữa anh B và chị Tr có mâu thuẫn, không có tiếng nói chung trong vấn đề tiếp tục chung sống với nhau, nay anh B xác định không thể duy trì cuộc hôn nhân này nữa nên anh yêu cầu được ly hôn để giải phóng cho cả hai người. Xét thấy, giữa anh B và chị Tr không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh B yêu cầu được ly hôn với chị Tr là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa anh B và chị Tr.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Bá Gia B, sinh ngày 23/02/2012, theo kết quả xác minh tại địa phương thì hiện đang sống với chị Tr. Anh B yêu cầu giao cháu B cho chị Tr nuôi, anh B không cấp dưỡng nuôi con, chị Tr cũng trình bày là nếu ly hôn thì chị là người nuôi dưỡng cháu B. Xét chị Tr có nơi ở ổn định, cháu B cũng có nguyện vọng được ở với chị Tr nên cần đảm B cuộc sống ổn định và đảm B lợi ích mọi mặt của cháu, cần giao cháu B cho chị Tr tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh chị khai không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh chị khai không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được từ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá B về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với chị Lương Thị Phương Tr, cho ly hôn giữa anh B và chị Tr.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Bá Gia B, sinh ngày 23/02/2012. Giao cháu B cho chị Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng (B trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002553 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Anh B đã nộp xong.

Anh B, chị Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS H. L;
- UBND TT.L;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa